

**BỘ CÔNG AN**  
**CỤC AN NINH CHÍNH TRỊ NỘI BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2966 /ANCTNB-P6

V/v góp ý Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế.

<b>CỤC QUẢN LÝ DƯỢC</b>	
<b>Đ</b> Số:	<u>2581</u>
<b>É</b> Ngày:	<u>01/4/2026</u>
<b>N</b>	
Chức vụ:	

Trả lời Công văn số 1565/BYT-QLD, ngày 11/3/2026 của Bộ Y tế gửi Bộ Công an về việc đề nghị góp ý Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm; được sự cho phép của Lãnh đạo Bộ Công an, Cục An ninh chính trị nội bộ - Bộ Công an trao đổi như sau:

- Bộ Công an cơ bản nhất trí với nội dung Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm và có ý kiến tham gia như sau: Đối với khoản 3 Điều 31 tại dự thảo Nghị định (về kiểm tra hồ sơ sau công bố sản phẩm mỹ phẩm): Các sản phẩm mỹ phẩm thuộc Nhóm 2<sup>1</sup> là các sản phẩm có nguy cơ gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ, sức khỏe của người sử dụng khi chưa được các cơ quan chức năng kiểm tra theo quy định. Đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu rút ngắn thời gian hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ công bố để đảm bảo an toàn cho người dùng.

- Đề nghị Bộ Y tế cần rà soát, đánh giá tác động đầy đủ và tập hợp ý kiến để hoàn thiện dự thảo Nghị định. Tránh trường hợp dự thảo Nghị định được thông qua nhưng tồn tại, thiếu sót cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cá nhân, doanh nghiệp trên lĩnh vực mỹ phẩm, gây phản ứng trái chiều trong dư luận xã hội.

Cục An ninh chính trị nội bộ trao đổi để Quý Bộ tập hợp./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, P6(LV.03b).

**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Đại tá Nguyễn Anh Tuấn**

<sup>1</sup> Sản phẩm mỹ phẩm làm trắng da, phấn rôm, nhuộm tóc, uốn tóc, duỗi tóc, ngăn ngừa rụng tóc, khử mùi, chống nắng, chống nhăn, sản phẩm mỹ phẩm dùng cho răng, niềng răng, sản phẩm mỹ phẩm giảm mụn, ngăn ngừa mụn, sản phẩm mỹ phẩm có tính năng công dụng mới, sản phẩm mỹ phẩm ghi nhãn dùng cho trẻ em, phụ nữ có thai, sản phẩm mỹ phẩm có chứa thành phần đã biết có ảnh hưởng sinh lý, gây biến cố bất lợi nghiêm trọng trong trường hợp sử dụng không đúng hoặc sản phẩm mỹ phẩm có yêu cầu giám sát về liều lượng, mục đích sử dụng, cách dùng.





Số: **1 8 6 5** /BCT-TTN

Hà Nội, ngày **20** tháng 3 năm 2026

V/v tham gia ý kiến góp ý đối với  
Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định  
về quản lý mỹ phẩm

Kính gửi: Bộ Y tế

Trả lời văn bản số 1565/BYT-QLD ngày 11/3/2026 của Bộ Y tế về việc xin ý kiến góp ý đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Tại điểm a khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 66.7/2025/NĐ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu quy định:

*"5. Thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được khai thác và sử dụng thay thế các giấy tờ sau:*

*a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp);"*

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định thành phần hồ sơ tại điểm b khoản 2 Điều 23 Dự thảo theo đúng tinh thần tại Điều 2 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP về nguyên tắc cắt giảm, đơn giản hóa, *"không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mà các thông tin trong thành phần hồ sơ đã có dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố"*; *"2. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính"*.

2. Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm trong trường hợp Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm nhưng bị thu hồi theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Đề nghị cơ quan chủ trì, nghiên cứu tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về việc nghiên cứu, đối với trường hợp vi phạm pháp luật cần quy định chặt chẽ việc cấp lại (cấp) Giấy chứng nhận cho các trường hợp này sau khi hết thời hạn nhất định và đã khắc phục vi phạm nhằm bảo đảm đủ sức răn đe, ngăn ngừa vi phạm pháp luật, tránh tình trạng lợi dụng.

3. Báo cáo tổng kết số 1763/BC-BYT ngày 04/12/2025 về việc thi hành pháp luật về mỹ phẩm cũng đã chỉ ra một số hạn chế trong công tác quản lý, trong đó có việc thiếu hệ thống dữ liệu tập trung, gây khó khăn cho việc tra cứu, xác minh và quản lý các sản phẩm mỹ phẩm đang lưu hành trên thị trường.



Theo quy định tại dự thảo Nghị định, thông tin về công bố sản phẩm mỹ phẩm được đăng tải trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Y tế hoặc Cơ sở dữ liệu thông tin về mỹ phẩm. Tuy nhiên, dự thảo hiện chưa quy định rõ phạm vi thông tin được công khai, mức độ đầy đủ của dữ liệu cũng như chức năng tra cứu của hệ thống này.

Để tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh mỹ phẩm trên môi trường thương mại điện tử, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung một điều riêng trong dự thảo Nghị định quy định về Cơ sở dữ liệu thông tin về mỹ phẩm, trong đó làm rõ các nội dung sau:

*a. Về cơ chế quản lý và vận hành hệ thống dữ liệu*

Quy định rõ cơ quan quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu; Nguyên tắc xây dựng, quản lý và cập nhật dữ liệu; trách nhiệm cập nhật thông tin của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và của tổ chức, cá nhân thực hiện công bố sản phẩm mỹ phẩm; đồng thời quy định việc công khai, chia sẻ dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, bảo đảm các cơ quan liên quan có thể thực hiện việc rà soát, đối chiếu thông tin giữa các hệ thống quản lý.

*b. Về phạm vi thông tin công khai*

Quy định cụ thể các thông tin cần được công khai trên cơ sở dữ liệu, bao gồm tối thiểu: Tên sản phẩm mỹ phẩm; tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm; số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm; nhãn hàng; cơ sở sản xuất; tình trạng hiệu lực của Phiếu công bố....

*c. Về chức năng tra cứu dữ liệu*

Quy định hệ thống cơ sở dữ liệu phải bảo đảm các chức năng tra cứu cơ bản, như: Tra cứu theo tên sản phẩm, số tiếp nhận Phiếu công bố, tên doanh nghiệp công bố, nhãn hàng hoặc cơ sở sản xuất, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước, các chủ thể kinh doanh và người tiêu dùng trong việc xác minh thông tin sản phẩm.

Việc xây dựng và vận hành hệ thống dữ liệu tập trung về mỹ phẩm sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh mỹ phẩm trên các nền tảng thương mại điện tử; đồng thời tạo điều kiện để người tiêu dùng và các chủ thể tham gia thị trường dễ dàng xác minh thông tin sản phẩm, góp phần tăng cường tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

4. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sửa đổi khoản 1, 2 Điều 40 Dự thảo Nghị định để phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công Thương được quy định tại Nghị định số 40/2025/NĐ-CP:

*"1. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm mỹ phẩm lưu thông trên thị trường.*


*2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong công tác phòng, chống sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém, hàng nhập lậu, gian lận thương mại và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong hoạt động kinh doanh mỹ phẩm theo quy định của pháp luật."*



5. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới.

6. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định tại Chương VIII theo hướng: Trong trường hợp sản phẩm mỹ phẩm có nguy cơ gây mất an toàn cho người tiêu dùng, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Quy định này nhằm làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh mỹ phẩm trong việc chủ động xử lý các sản phẩm có nguy cơ gây mất an toàn, đồng thời đảm bảo sự phù hợp với cơ chế thu hồi sản phẩm, hàng hóa khuyết tật đã được quy định trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

7. Đối với các nội dung khác, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát theo các quy định pháp luật và xin ý kiến cơ quan có liên quan.

Trên đây là ý kiến của Bộ Công Thương gửi Bộ Y tế tổng hợp./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quyền Bộ trưởng;
- Vụ Pháp chế;
- Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;
- Các Cục: TTTN, HC, CN, XNK, ĐCK, TMĐT;
- Lưu: VT, TTTN (QuyềnND).

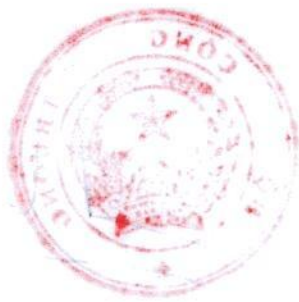
**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Sinh Nhật Tân**



anhnn.qld\_Nguyen Ngoc Anh\_26/05/2026 08:22:56





Số: 1701 /BKHCN-TĐC  
V/v góp ý đối với hồ sơ dự thảo  
Nghị định quy định về quản lý  
mỹ phẩm

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Bộ Y tế

Bộ Khoa học và Công nghệ nhận được Công văn 1565/BYT-QLD ngày 11/3/2026 của Quý Bộ về việc góp ý đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm. Sau khi nghiên cứu, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm cụ thể như sau:

## I. ĐỐI VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH

1. Đề nghị Cơ quan soạn thảo làm rõ các nội dung sau:

a) Mối liên hệ giữa các bắt cập thực tiễn trong quản lý mỹ phẩm và các chính sách được đề xuất trong dự thảo Nghị định.

b) Mức độ chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm trong quản lý mỹ phẩm, đặc biệt đối với cơ chế công bố sản phẩm.

2. Đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung giải trình rõ hơn đối với một số quy định liên quan đến hồ sơ công bố mỹ phẩm nhập khẩu, điều khoản chuyển tiếp, quản lý mỹ phẩm trên môi trường điện tử, phân cấp cho địa phương và điều kiện bảo đảm thực hiện.

3. Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát lại toàn bộ nội dung Tờ trình để bảo đảm thống nhất với dự thảo Nghị định, đặc biệt về cơ chế công bố, quản lý quảng cáo mỹ phẩm và phân cấp thẩm quyền.

4. Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát, xem xét, nghiên cứu các nội dung dự thảo Nghị định bảo đảm tính thống nhất với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

## II. ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Đối với nội dung liên quan đến kiểm nghiệm, cơ sở kiểm nghiệm.

Hiệp định mỹ phẩm ASEAN (ASEAN Cosmetic Directive – ACD) không quy định cụ thể về điều kiện đối với cơ sở kiểm nghiệm (phòng thử nghiệm), cũng như không đặt ra yêu cầu bắt buộc về việc cơ sở kiểm nghiệm phải được chỉ định hoặc đáp ứng tiêu chuẩn như ISO/IEC 17025 hoặc GLP. ACD áp dụng nguyên tắc quản lý theo trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm, theo đó doanh nghiệp có trách nhiệm bảo đảm chất lượng, an toàn của sản phẩm thông qua Hồ sơ



thông tin sản phẩm (PIF) và các dữ liệu khoa học liên quan. Trong khi đó, dự thảo Nghị định quy định cụ thể về yêu cầu đối với cơ sở kiểm nghiệm, bao gồm việc phải đáp ứng các tiêu chuẩn như GLP, ISO/IEC 17025 hoặc tương đương.

Tại Điều 13 dự thảo quy định Phiếu kiểm nghiệm được cấp bởi: Phòng kiểm nghiệm đạt GLP; ISO/IEC 17025 hoặc cơ sở sản xuất đạt GMP. Tuy nhiên ISO/IEC 17025 và GLP là tiêu chuẩn đánh giá năng lực phòng thử nghiệm và GMP là tiêu chuẩn đối với cơ sở sản xuất.

Đồng thời, Luật số 70/2025/QH15 và tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025 chỉ quy định về hoạt động thử nghiệm, không có hoạt động kiểm nghiệm. Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, sử dụng cụm từ để thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật. Trường hợp vẫn sử dụng “kiểm nghiệm”, đề nghị có quy định cụ thể khái niệm “kiểm nghiệm”, quy định điều kiện đối với cơ sở kiểm nghiệm, trình tự, thủ tục cấp GCN đăng ký hoạt động, quyền và trách nhiệm của các đơn vị liên quan.

2. Tại khoản 5 Điều 3: *“Sản phẩm mỹ phẩm phải được sản xuất tại cơ sở sản xuất đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 15”*. Tuy nhiên, các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân sự, hệ thống quản lý chất lượng lại được quy định tại khoản 2 Điều 15. Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát theo hướng dẫn chiếu đến Điều 15 hoặc khoản 2 Điều 15 để bảo đảm phản ánh đầy đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.

3. Tại khoản 6 Điều 3: đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát lại cách viết đối với nội dung này. Lý do: theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng trên nguyên tắc tự nguyện, quy chuẩn kỹ thuật là quy định bắt buộc áp dụng. Như vậy, với cách viết của dự thảo Nghị định *“Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm mỹ phẩm phải đáp ứng quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật...”* dẫn đến cách hiểu tiêu chuẩn thành quy chuẩn bắt buộc. Đồng thời, xem xét lại nội dung *“và các quy định tại Điều này”* vì các nội dung tại Điều này quy định yêu cầu về an toàn, chất lượng của sản phẩm mỹ phẩm, không phải quy định cho tiêu chuẩn, việc xây dựng, công bố tiêu chuẩn phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

4. Tại Điều 3 và Điều 9 dự thảo, một số quy định dẫn chiếu theo “phiên bản cập nhật mới nhất của Hội đồng mỹ phẩm ASEAN” là phù hợp về mặt chuyên môn nhằm bảo đảm cập nhật các yêu cầu kỹ thuật quốc tế. Tuy nhiên, về kỹ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đây là hình thức dẫn chiếu động, tiềm ẩn một số bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện, thời điểm áp dụng, gây khó khăn trong hoạt động thanh tra, kiểm tra. Như vậy chưa phù hợp với yêu cầu về tính minh bạch, ổn định và xác định rõ nội dung áp dụng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tại Điều 5 dự thảo yêu cầu nộp tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm mỹ phẩm: đề nghị Cơ quan soạn thảo làm rõ thuật ngữ “tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm”, làm rõ thành phần hồ sơ là tiêu chuẩn cơ sở hoặc tài liệu công bố chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm. Đồng thời, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quy định cụ thể định nghĩa, khái niệm cho từng loại tiêu chuẩn (tiêu chuẩn quốc gia, tiêu



chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài), do đó, đề nghị làm rõ trường hợp áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài thì thực hiện theo quy định nào.

6. Về Hồ sơ thông tin sản phẩm (PIF) và trách nhiệm lưu giữ, cung cấp PIF (Điều 5, Điều 10, Điều 25):

Đề nghị làm rõ hơn trách nhiệm lưu giữ, địa điểm lưu giữ, phạm vi tài liệu của PIF phải sẵn sàng xuất trình và hậu quả pháp lý khi chậm cung cấp, không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ PIF. Đồng thời, cần phân định rõ phần nào của PIF phải lưu tại Việt Nam, phần nào có thể lưu ở nước ngoài; phân biệt trường hợp không có PIF, chậm xuất trình do nguyên nhân khách quan và trường hợp hồ sơ còn thiếu nhưng có thể khắc phục, nhất là đối với mỹ phẩm nhập khẩu.

7. Tại Điều 26 dự thảo:

a) Khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: *“Nội dung bắt buộc ghi nhãn sản phẩm mỹ phẩm thực hiện theo Hiệp định mỹ phẩm ASEAN, phải được trình bày rõ ràng dễ đọc, đầy đủ và không xoá được.”*

Đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa thành như sau: *“Nhãn mỹ phẩm lưu thông tại Việt Nam thực hiện theo quy định về ghi nhãn hàng hóa tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và Hiệp định mỹ phẩm ASEAN, phải được trình bày rõ ràng dễ đọc, đầy đủ và không xoá được.”*

Lý do: Tại Chương IV Nghị định số 37/2026/NĐ-CP có quy định chung về ghi nhãn hàng hóa đối với các loại hàng hóa lưu thông, xuất khẩu, nhập khẩu vào Việt Nam. Để bảo đảm thống nhất của hệ thống pháp luật, nên dẫn chiếu đồng thời nghị định chung về nhãn hàng hóa và quy định đặc thù của ASEAN, thay vì chỉ viện dẫn ASEAN.

Ví dụ: tại điểm d khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa là *“Xuất xứ hàng hóa.”*

Dự thảo mới nêu tên nội dung phải ghi mà chưa làm rõ cách ghi xuất xứ. Nghị định số 37/2026/NĐ-CP đã quy định cụ thể về nguyên tắc xác định và cách thể hiện xuất xứ, kể cả trường hợp không xác định được xuất xứ. Do đó, nên bổ sung thêm quy định *“thực hiện theo quy định về ghi nhãn hàng hóa tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP”* để bảo đảm đầy đủ, thống nhất.

b) Điểm a khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: *“Tên sản phẩm mỹ phẩm và chức năng của nó, trừ trường hợp đã được thể hiện rõ ở hình thức trình bày của sản phẩm.”*

Đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa thành như sau: *“Tên sản phẩm mỹ phẩm và công dụng của sản phẩm, trừ trường hợp công dụng đó đã được thể hiện rõ qua tên gọi hoặc hình thức trình bày của sản phẩm.”*

Lý do: Từ “chức năng” có thể bị hiểu theo nghĩa rộng, dễ dẫn tới cách thể hiện nội dung mang tính quảng cáo hoặc vượt quá bản chất của mỹ phẩm. Nên sử dụng từ “công dụng” để thống nhất hơn với ngôn ngữ chuyên ngành và cách tiếp cận của ASEAN.



c) Điểm đ khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: “*Định lượng thể hiện bằng khối lượng tịnh hoặc thể tích thực, theo hệ đo lường quốc tế (SI) hoặc cả hệ đo lường quốc tế (SI) và hệ đo lường Anh.*” Đề nghị nghiên cứu sửa đổi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 26 như sau: “*Định lượng ghi trên nhãn mỹ phẩm là lượng danh định của sản phẩm, thể hiện bằng khối lượng tịnh hoặc thể tích thực theo đơn vị đo pháp định; trường hợp thể hiện bằng hệ đo lường khác, việc thể hiện và quy đổi về đơn vị đo pháp định thực hiện theo pháp luật về đo lường.*” để bảo đảm sự thống nhất trong việc thể hiện và quy đổi theo đơn vị đo pháp định tương ứng với hệ đo lường quốc tế (SI) theo pháp luật đo lường.

d) Điểm g khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn là: “*Ngày sản xuất và ngày hết hạn của sản phẩm.*”.

Đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa thành như sau: Ngày sản xuất hoặc hạn dùng/hạn sử dụng; trường hợp sản phẩm có độ ổn định dưới 30 tháng thì bắt buộc ghi ngày hết hạn.”.

Lý do: Quy định hiện tại yêu cầu đồng thời ngày sản xuất và ngày hết hạn đối với mọi mỹ phẩm, chưa thống nhất với mục 14 Phụ lục I Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và Hiệp định Mỹ phẩm ASEAN. Theo các quy định này, chỉ trong trường hợp sản phẩm có độ ổn định dưới 30 tháng mới bắt buộc ghi ngày hết hạn.

đ) Điểm i khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: *Trong trường hợp kích thước, hình dạng hoặc tính chất của bao bì ngoài hoặc bao bì trực tiếp của sản phẩm không cho phép trình bày đầy đủ các chi tiết quy định từ điểm a đến điểm i khoản 1 Điều này, có thể cho phép sử dụng tờ rời, tờ giới thiệu, giấy dán kèm, biển trưng bày, túi hàn miệng hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tuy nhiên, ít nhất phải có tên sản phẩm mỹ phẩm, số lô của nhà sản xuất trên bao bì trực tiếp.*”

Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu thêm quy định về trường hợp hàng hóa có kích thước nhỏ tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và bổ sung thêm cơ chế cách ghi nhãn bằng phương thức điện tử đảm bảo đồng bộ với các quy định chung về nhãn hàng hóa.

e) Khoản 2 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: “*Ngoài các quy định về ghi nhãn tại khoản 1 Điều này, nhãn sản phẩm mỹ phẩm phải có các thông tin khác cụ thể như sau:*”, quy định tại khoản này, cách diễn đạt được hiểu rằng đây là một nhóm thông tin bổ sung không phải là nội dung nhãn hàng hóa trong khi nội dung tại điểm a khoản 2 Điều 26 là một nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, không phải là thông tin bổ sung.

g) Điểm a khoản 2 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: “*Tên và địa chỉ của cơ sở công bố, tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất (ghi đầy đủ bằng tiếng Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước; Tên và địa chỉ của cơ sở công bố, tên và địa chỉ của cơ sở nhập khẩu (ghi đầy đủ bằng tiếng Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh), tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất đối với mỹ phẩm nhập khẩu.*”

Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định: Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa thực hiện theo Điều 44 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Đối với mỹ phẩm nhập khẩu, việc thể hiện trên nhãn gốc và nhãn phụ thực hiện theo Điều 42 và Điều 44 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Trường hợp đối với mỹ phẩm nhập khẩu, cho phép doanh nghiệp bổ sung nhãn phụ nếu trên nhãn gốc chưa ghi đầy đủ nội dung “*Tên và địa chỉ của cơ sở công bố, tên và địa chỉ của cơ sở nhập khẩu (ghi đầy đủ bằng tiếng Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh)*”.

h) Điểm b khoản 2 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: “*Nhãn của sản phẩm mỹ phẩm chống nắng phải đáp ứng Hướng dẫn ghi nhãn sản phẩm mỹ phẩm chống nắng của ASEAN.*”.

Đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa thành như sau:

“*Nhãn của mỹ phẩm chống nắng có công dụng chính là chống nắng phải đáp ứng Hướng dẫn ghi nhãn sản phẩm mỹ phẩm chống nắng của ASEAN.*”

Lý do: Nên bổ sung cụm “có công dụng chính là chống nắng” để giới hạn đúng phạm vi áp dụng của hướng dẫn ASEAN, tránh áp dụng quá rộng cho các sản phẩm chỉ có tuyên bố chống UV hoặc bảo vệ nắng ở mức thứ yếu.

i) Toàn bộ Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: “*Quy định về nhãn sản phẩm mỹ phẩm.*”.

Đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa thành theo hướng: Điều 26 chỉ nên quy định các yêu cầu đặc thù đối với ghi nhãn mỹ phẩm; các nội dung chung về nhãn hàng hóa thực hiện theo Chương IV Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.”

Lý do: Về kỹ thuật lập pháp, điều khoản chuyên ngành không nên lặp lại đầy đủ các nội dung chung đã được quy định tại nghị định điều chỉnh chung về nhãn hàng hóa. Việc lặp lại dễ dẫn đến khác biệt câu chữ, gây khó khăn trong áp dụng và giải thích pháp.

8. Tại Điều 27 về quảng cáo sản phẩm mỹ phẩm:

Đề nghị rà soát, hoàn thiện quy định về quảng cáo mỹ phẩm theo hướng chặt chẽ, rõ căn cứ, phạm vi và nguồn tài liệu dùng để công bố tính năng, công dụng. Cần quy định nội dung quảng cáo phải phù hợp với Phiếu công bố, PIF và tài liệu chứng minh tính năng, công dụng; không làm sản phẩm bị hiểu như có tác dụng điều trị hoặc thay thế thuốc. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế quản lý quảng cáo trên môi trường điện tử, sàn thương mại điện tử, nền tảng số và thông qua người có ảnh hưởng để phù hợp thực tiễn.

9. Về hồ sơ, thủ tục và lưu trữ hồ sơ thực hiện trực tuyến (Điều 28, Điều 29, Điều 30):

Đề nghị làm rõ hơn giá trị pháp lý của hồ sơ điện tử, trách nhiệm của các bên trong việc lưu trữ, khai thác, đối chiếu hồ sơ và phương án xử lý khi hệ thống xảy ra lỗi kỹ thuật, mất dữ liệu hoặc không thể truy xuất hồ sơ. Đồng thời, cần rà soát thận trọng hậu quả pháp lý của việc hủy thông tin đã đăng tải, thu hồi số tiếp nhận trong trường hợp nguyên nhân do lỗi hệ thống hoặc do thiếu sót có thể khắc



phục mà chưa ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn, chất lượng sản phẩm.

10. Tại Điều 31 và Điều 33 dự thảo: Dự thảo quy định kiểm tra hồ sơ sau công bố và lựa chọn nhóm sản phẩm kiểm tra (nhóm 1 và nhóm 2). Tuy nhiên, tiêu chí lựa chọn hiện chủ yếu theo nhóm sản phẩm, chưa lựa chọn dựa trên quản lý rủi ro.

11. Tại khoản 5 Điều 34 dự thảo Nghị định quy định: *“Giá dịch vụ kiểm nghiệm mẫu mỹ phẩm không được cao hơn giá dịch vụ kiểm nghiệm của chỉ tiêu tương ứng theo quy định đối với kiểm nghiệm thuốc. Đối với chỉ tiêu chưa được quy định mức giá trong kiểm nghiệm thuốc, cơ quan kiểm nghiệm nhà nước về mỹ phẩm xây dựng giá dịch vụ kiểm nghiệm, báo cáo Bộ Y tế (đối với cơ quan kiểm nghiệm nhà nước thuộc Bộ Y tế), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan kiểm nghiệm nhà nước cấp tỉnh) và công khai giá dịch vụ kiểm nghiệm mỹ phẩm trước khi thực hiện.”*. Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét lại quy định này để phù hợp với Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

12. Tại khoản 3 Điều 35 dự thảo Nghị định quy định: *“Đối với sản phẩm mỹ phẩm không đạt tiêu chuẩn về thể tích hoặc khối lượng nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn của sản phẩm thì được phép khắc phục loại bỏ yếu tố vi phạm hoặc tái xuất”*. Quy định nêu trên dù đề cập trường hợp sản phẩm mỹ phẩm không đạt về thể tích hoặc khối lượng nhưng chưa làm rõ căn cứ, tiêu chí và phương pháp xác định sản phẩm không đạt về thể tích hoặc khối lượng.

Theo quy định của pháp luật về đo lường đối với lượng hàng đóng gói sẵn, việc xác định sự phù hợp của lượng công bố của hàng đóng gói sẵn dựa trên cơ sở:

- Yêu cầu kỹ thuật đối với lượng danh định (bao gồm cách ghi lượng, lượng thiếu cho phép);

- Phương pháp lấy mẫu, phương pháp đánh giá sự phù hợp của lượng hàng đóng gói sẵn; do đó, để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể hóa khoản 3 Điều 35, trong đó việc xác định sản phẩm mỹ phẩm không đạt về thể tích hoặc khối lượng phải căn cứ theo pháp luật về đo lường đối với lượng hàng đóng gói sẵn.

- Về trách nhiệm quản lý nhà nước về kiểm tra đo lường: đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ về kiểm tra đo lường lượng của hàng đóng gói sẵn.

13. Về thu hồi số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm và ngừng tiếp nhận hồ sơ công bố (Điều 36, Điều 37):

Đề nghị tiếp tục rà soát các quy định về thu hồi số tiếp nhận Phiếu công bố và ngừng tiếp nhận hồ sơ công bố để bảo đảm hợp lý, tương xứng và thống nhất với pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Cần làm rõ căn cứ áp dụng, trình tự thực hiện, quyền giải trình, thời hạn khắc phục và cơ chế khôi phục quyền nộp hồ sơ sau khi vi phạm đã được khắc phục.

14. Tại Điều 41 về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Tại khoản 1: đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa thành *“1. Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về nhãn hàng hóa đối với sản phẩm mỹ phẩm”*, đồng thời chuyển

trách nhiệm chủ trì nội dung này về Bộ Y tế vì trách nhiệm quản lý mỹ phẩm là của Bộ Y tế.

- Tại khoản 2: đề nghị Cơ quan soạn thảo chuyển nội dung này sang trách nhiệm của Bộ Tài chính.

- Tại khoản 3: đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa thành “3. *Phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa là sản phẩm mỹ phẩm và truy xuất nguồn gốc trong sản xuất sản phẩm mỹ phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng theo quy định của pháp luật*”, đồng thời chuyển trách nhiệm chủ trì nội dung này về Bộ Y tế vì trách nhiệm quản lý mỹ phẩm là của Bộ Y tế.

- Tại khoản 4: đề nghị Cơ quan soạn thảo bỏ nội dung này vì điểm đ khoản 2 Điều 8 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, vận hành, duy trì nền tảng số thống nhất để phục vụ quản lý mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Do đó, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan sẽ cung cấp, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin trên nền tảng số này.

- Tại khoản 5: đề nghị Cơ quan soạn thảo bỏ nội dung “5. *Cấp phép, kiểm tra hoạt động của các tổ chức đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với sản phẩm mỹ phẩm*”.

Lý do: như ý kiến nêu tại mục 1 nói trên, đề nghị Cơ quan soạn thảo làm rõ đây là hoạt động kiểm nghiệm hay thử nghiệm. Trường hợp là hoạt động thử nghiệm, đề nghị chuyển nội dung này sang trách nhiệm của UBND cấp tỉnh vì theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm thuộc trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố. Trường hợp là hoạt động kiểm nghiệm, đề nghị chuyển nội dung này sang trách nhiệm của Bộ Y tế.

15. Về quy định báo cáo biến cố bất lợi nghiêm trọng và mẫu báo cáo kèm theo (khoản 16 Điều 44, Phụ lục số 17):

Đề nghị rà soát lại quy định về thời hạn, thành phần thông tin phải báo cáo đối với biến cố bất lợi nghiêm trọng; đồng thời xem xét tính cần thiết, phù hợp của các trường dữ liệu cá nhân trong mẫu báo cáo, bảo đảm chỉ yêu cầu dữ liệu thực sự cần thiết cho theo dõi an toàn sản phẩm và phù hợp quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bên cạnh đó, cần làm rõ đầu mối tiếp nhận, hình thức gửi báo cáo và trách nhiệm phối hợp giữa cơ sở công bố, cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh trong tiếp nhận, xác minh và báo cáo biến cố bất lợi nghiêm trọng.

16. Về điều khoản chuyển tiếp và lộ trình thực hiện (Điều 48, Điều 49, Điều 50):

Đề nghị rà soát, làm rõ hơn các quy định chuyển tiếp và lộ trình thực hiện, đặc biệt đối với Phiếu công bố đã được cấp trước ngày Nghị định có hiệu lực, hồ sơ đã nộp nhưng chưa giải quyết xong, yêu cầu mới về gia hạn hiệu lực Phiếu công bố, ghi nhãn, lưu giữ PIF và thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử. Đồng thời, cần quy định rõ phương án chuyển tiếp đối với hồ sơ đang xử lý, sản phẩm đang lưu thông, hàng tồn kho, bao bì đã in và thời hạn để doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu mới, nhằm tránh khoảng trống pháp lý và bảo đảm tính liên tục trong hoạt động sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh mỹ phẩm.



17. Đề nghị Cơ quan soạn thảo làm rõ cơ chế tăng cường hậu kiểm, đặc biệt các sản phẩm mỹ phẩm được kinh doanh rất nhiều trên môi trường mạng và các sàn thương mại điện tử.

Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến gửi Quý Bộ để tổng hợp. Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định;
- Lưu: VT, TĐC (05).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Xuân Định**

**BỘ NGOẠI GIAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2022 /BNG-NGKT

V/v cho ý kiến đối với Hồ sơ dự thảo  
Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Bộ Y tế.

Phúc công văn số 1565/BYT-QLD ngày 11/3/2026 của Quý Bộ về việc cho ý kiến đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm, trong phạm vi lĩnh vực phụ trách, Bộ Ngoại giao có ý kiến sau:

1. Qua rà soát sơ bộ, Bộ Ngoại giao chưa phát hiện nội dung không tương thích với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Bộ Ngoại giao xin thông tin thêm tới Quý Bộ về cơ sở pháp lý cho hợp tác quản lý mỹ phẩm trong ASEAN như sau:

Cơ sở pháp lý cho hợp tác quản lý mỹ phẩm trong ASEAN là Hiệp định về Hệ thống hòa hợp trong quản lý mỹ phẩm ASEAN (ASEAN Harmonized Cosmetic Regulatory Scheme) được ký năm 2003, chính thức có hiệu lực từ năm 2007. Hiệp định quy định bộ tiêu chuẩn chung để các doanh nghiệp ASEAN dễ dàng mở rộng thị trường sang các nước trong khu vực, giảm rào cản kỹ thuật trong thương mại, thúc đẩy liên kết kinh tế ASEAN, tạo ra thị trường mỹ phẩm thống nhất, bảo đảm an toàn sản phẩm cho người dùng đồng thời tăng tính minh bạch trong kiểm soát chất lượng.

Hàng năm, Hội đồng Mỹ phẩm ASEAN (ACC) và Hội đồng Khoa học mỹ phẩm ASEAN (ACSB) thảo luận và thông qua các quy định chi tiết và cập nhật về các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật như danh mục thành phần, nhãn mác và công bố sản phẩm, bảo đảm phù hợp.

Bộ Ngoại giao xin trao đổi để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các đơn vị: TCQT, ASEAN, LPQT;
- Lưu: HC, NGKT (ĐD2).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



Ký bởi: Nguyễn Minh Hằng  
Cơ quan: BỘ NGOẠI GIAO

**Nguyễn Minh Hằng**

Số: 2268/BNV-PC  
V/v góp ý Hồ sơ dự thảo Nghị định  
quy định về quản lý mỹ phẩm (lần 2)

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Bộ Y tế

Trả lời Công văn số 1565/BYT-QLD ngày 11/3/2026 và Công văn số 956/BYT-QLD ngày 12/02/2026 của Bộ Y tế đề nghị Bộ Nội vụ góp ý Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm (lần 2), trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Ngày 11/6/2025, Bộ Nội vụ có Công văn số 3500/BNV-PC trả lời Công văn số 2935/BYT-QLD ngày 15/5/2025 của Bộ Y tế về việc đề nghị Bộ Nội vụ góp ý Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm. Đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Nội vụ.

2. Đề hồ sơ dự thảo Nghị định hoàn chỉnh hơn, Bộ Nội vụ có thêm ý kiến như sau:

a) Tại dự thảo Tờ trình, đề nghị rà soát, hoàn thiện nội dung về phân cấp, phân quyền, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với nội dung dự thảo Nghị định<sup>1</sup> và theo đúng tinh thần các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017); rà soát quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, bảo đảm thực hiện nghiêm Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

b) Tại khoản 6 Điều 18 (Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm) dự thảo Nghị định quy định: “Trường hợp cơ sở sản xuất đề nghị cấp Giấy chứng nhận CGMP cùng với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận CGMP cùng với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm cho cơ sở.”. Theo đó, UBND cấp tỉnh có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận CGMP.

Tuy nhiên, dự thảo Nghị định đã quy định: (1) CGMP (Thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm) là bộ nguyên tắc, tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hoặc công nhận áp dụng trong sản xuất mỹ phẩm (khoản 9 Điều 2); quy định về trường

<sup>1</sup> Ví dụ như tiểu mục IV.3.d nêu: (1) Nghị định phân cấp toàn bộ việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế cho UBND cấp tỉnh, tuy nhiên một số nhiệm vụ giải quyết TTHC này hiện được quy định tại Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm (được thay thế bởi dự thảo Nghị định) không thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế; (2) Tờ trình nêu Nghị định phân cấp Chủ tịch UBND cấp tỉnh, tuy nhiên dự thảo Nghị định không có điều khoản quy định phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh.



hợp “Giấy chứng nhận CGMP đã được Bộ Y tế cấp” (điểm d khoản 2 Điều 5). Hiện nay, theo Nghị định số 93/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018), thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận CGMP thuộc Bộ Y tế; trình tự, thủ tục thực hiện được quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm.

Do đó, đề nghị nghiên cứu rà soát, làm rõ chủ thể có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận CGMP, quy định trình tự, thủ tục thực hiện (nếu cần thiết).

c) Tại khoản 3 Điều 49 (Quy định chuyển tiếp) dự thảo Nghị định quy định: “Các cơ sở sản xuất mỹ phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm quy định tại Nghị định số 93/2016/NĐ-CP *được tiếp tục hoạt động theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm đã được cấp mà không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này đến hết ngày 31/12/2027*”.

Tuy nhiên, điều khoản nêu trên cũng quy định: “*Trước ngày 01/01/2028, cơ sở sản xuất mỹ phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo quy định tại Nghị định số 93/2016/NĐ-CP phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo quy định tại Điều 17 Nghị định này*”.

Do đó, đề nghị rà soát các quy định về chuyển tiếp nêu trên để tránh chồng chéo, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ nội dung dự thảo Nghị định.

3. Các nội dung khác có tính chuyên môn sâu, đề nghị tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ đề Bộ Y tế nghiên cứu tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình (để b/c);
- Thứ trưởng Cao Huy;
- Lưu: VT, PC (Phương).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Cao Huy**



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG

Ngày ký: 16-03-2026

15:43:19 +07:00

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1631/BQP-PC

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

V/v tham gia ý kiến đối với Hồ sơ  
dự thảo Nghị định của Chính phủ  
quy định về quản lý mỹ phẩm

Kính gửi: Bộ Y tế.

Phúc đáp Công văn số 1565/BYT - QLD ngày 11/3/2026 của Bộ Y tế về việc tham gia ý kiến đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

Nhất trí với Hồ sơ dự thảo Nghị định trên. Lý do: Dự thảo Nghị định đã đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Trân trọng gửi Bộ Y tế để tổng hợp. th

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, NCTH. th

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Thượng tướng Nguyễn Văn Gầu**





## BỘ TÀI CHÍNH

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **4254**/BTC-CST  
V/v dự thảo Nghị định quy định  
về quản lý mỹ phẩm

Hà Nội, ngày **06** tháng **4** năm 2026

Kính gửi: Bộ Y tế.

Phục đáp công văn số 1565/BYT-QLD ngày 11/3/2026 của Bộ Y tế về dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Ngày 17/6/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 8521/BTC-CST tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm, trong đó, một số ý kiến chưa được tiếp thu tại dự thảo Nghị định lần này. Đề nghị Bộ Y tế rà soát, tiếp thu đầy đủ các ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 8521/BTC-CST nêu trên.

Ngoài ra, đối với các nội dung mới phát sinh, đề nghị Bộ Y tế rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng đảm bảo thống nhất với các quy định của pháp luật có liên quan (như pháp luật về đầu tư, giá, phí và lệ phí...); bám sát chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo sự vận hành thông suốt và đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống của Bộ Y tế với Công thông tin một cửa quốc gia; phân định rõ trách nhiệm quản lý chuyên ngành, tránh gây chồng chéo, phát sinh vướng mắc trong thực tiễn.

Bộ Tài chính đã tổng hợp các nội dung tham gia ý kiến cụ thể tại Phụ lục kèm theo công văn này, đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, kính chuyển Bộ Y tế tổng hợp./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Các Cục: HQ, QLG, DNTN;
- Các Vụ: KTN, NSNN;
- Lưu: VT, CST (XNK) (4b) *ky*

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn



## Phụ lục

**NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN CỤ THỂ VỀ DỰ THẢO NGHỊ  
ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ MỸ PHẨM GỬI KÈM CÔNG VĂN SỐ  
1565/BYT-QLD CỦA BỘ Y TẾ**

*(Kèm theo công văn số 4254/BTC-CST ngày 06/4/2026 của Bộ Tài chính)*

**1. Về căn cứ pháp lý ban hành**

Tại phần căn cứ ban hành: Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026 đã thay thế Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư. Do đó, đề nghị Bộ Y tế cập nhật, chỉnh lý dự thảo Nghị định bảo đảm chính xác.

**2. Về Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị sửa đổi cụm từ “*sản phẩm bán tại cửa hàng miễn thuế*” thành “*sản phẩm bán tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế*” để đồng nhất với quy định hiện hành tại các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan.

- Tại Điều 1, Điều 22 dự thảo Nghị định có đề cập đến hoạt động “*quá cảnh, chuyển khẩu, trung gian*”, tuy nhiên hoạt động “*trung gian*” chưa được định nghĩa trong Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP như một hoạt động ngoại thương. Vì vậy, đề nghị Bộ Y tế làm rõ nội hàm của khái niệm “*trung gian*”, nếu là hoạt động trung chuyển hàng hoá thì cần sửa đổi để sử dụng đúng khái niệm, thuật ngữ “*trung chuyển*”.

- Đối với hàng hoá là mỹ phẩm gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 18/2021/NĐ-CP) và Điều 22 Nghị định 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Theo đó, đối với hàng hoá gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh có trị giá 01 triệu đồng trở xuống được miễn thuế nhập khẩu và miễn kiểm tra chuyên ngành; hàng hoá có trị giá vượt quá 01 triệu đồng thì thực hiện thủ tục hải quan, nộp thuế nhập khẩu và thực hiện kiểm tra chuyên ngành như hàng hoá xuất nhập khẩu thương mại.

Do vậy, đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, xem xét bổ sung “*Mỹ phẩm nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh trong định mức miễn thuế*” không là đối tượng áp dụng theo Nghị định này.

- Dự thảo Nghị định có đề cập tới bán thành phẩm mỹ phẩm tuy nhiên chưa rõ cơ chế quản lý đối với mặt hàng này khi thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu cần quản lý như thế nào. Trường hợp không có quy định riêng biệt,



cơ quan hải quan xử lý thủ tục như hàng hóa thông thường. Cơ quan chuyên ngành y tế chịu trách nhiệm quản lý khi đưa ra lưu thông thị trường.

- Trong quá trình thực hiện công tác quản lý hải quan, cơ quan hải quan nhận được vướng mắc phát sinh đối với nguyên liệu sản xuất mỹ phẩm nhập khẩu. Vì vậy, để bảo đảm cơ sở pháp lý thực hiện, đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, bổ sung quy định rõ ràng đối với việc nhập khẩu nguyên liệu dùng cho sản xuất mỹ phẩm.

- Qua rà soát nội dung tại Điều này chưa bao gồm sản phẩm mỹ phẩm lưu thông tại Việt Nam, do đó, đề nghị Ban soạn thảo rà soát, bổ sung đối tượng hàng hóa này để đảm bảo đầy đủ, thống nhất với Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

### **3. Về Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Đề nghị rà soát quy định của một số cụm từ đã được quy định, giải thích tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhưng nội hàm không thống nhất<sup>1</sup>, đề nghị điều chỉnh theo hướng mỗi cụm từ chỉ được quy định thống nhất tại một văn bản. Trường hợp áp dụng định nghĩa theo dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về việc bãi bỏ quy định trùng lặp tại các văn bản khác vào Điều khoản về hiệu lực thi hành.

### **4. Về Điều 5. Hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm**

Điểm d khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định không yêu cầu nộp lại Giấy chứng nhận Thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm (CGMP) nếu đã được đăng tải trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Đề nghị Bộ Y tế:

- Làm rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc cập nhật, đăng tải Giấy chứng nhận CGMP đã được Bộ Y tế cấp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

- Quy định cụ thể về giá trị pháp lý, thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận CGMP khi sử dụng lại trên hệ thống.

- Ban hành cấu trúc dữ liệu chuẩn của hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm trên Hệ thống giải quyết TTHC của Bộ Y tế và Cơ sở dữ liệu thông tin về mỹ

<sup>1</sup> - Cụm từ “sản phẩm mỹ phẩm”: (i) Tại Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 quy định về quản lý mỹ phẩm được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015, Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020, Thông tư số 34/2025/TT-BYT ngày 03/7/2025 quy định: “*Sản phẩm mỹ phẩm là ... với mục đích chính là để làm sạch, làm thơm, thay đổi diện mạo, hình thức, điều chỉnh mùi cơ thể, bảo vệ cơ thể hoặc giữ cơ thể trong điều kiện tốt.*”; (ii) Tại Dự thảo Nghị định quy định: “*Sản phẩm mỹ phẩm là ... với mục đích duy nhất hoặc mục đích chính là điều chỉnh mùi cơ thể, làm sạch, làm thơm, thay đổi vẻ bề ngoài, bảo vệ hoặc giữ cho các bộ phận nêu trên trong điều kiện tốt.*”

- Cụm từ “chủ sở hữu sản phẩm mỹ phẩm”: (i) Tại Thông tư số 06/2011/TT-BYT và các văn bản sửa đổi, bổ sung quy định: “*Chủ sở hữu sản phẩm mỹ phẩm là tổ chức, cá nhân sở hữu công thức, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.*”; Tại Dự thảo Nghị định quy định: “*Chủ sở hữu sản phẩm mỹ phẩm là cơ sở sản xuất sở hữu Hồ sơ thông tin sản phẩm (Product Information File - PIF) hoặc cơ sở sở hữu nhãn hiệu sở hữu Hồ sơ thông tin sản phẩm.*”



phẩm để đảm bảo Cổng thông tin một cửa quốc gia có thể khai thác hoặc đồng bộ dữ liệu phục vụ tra cứu thông tin làm thủ tục thông quan hàng hóa.

## **5. Về Điều 7. Quy định về thay đổi thông tin sản phẩm mỹ phẩm đã được công bố**

Qua thực hiện công tác quản lý về hải quan, cơ quan hải quan ghi nhận vướng mắc của doanh nghiệp về việc đã gửi yêu cầu thay đổi nội dung Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu thông qua Cổng Thông tin một cửa quốc gia nhưng không nhận được phản hồi cập nhật thay đổi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia mà chỉ có thông tin thay đổi trên hệ thống của Bộ Y tế.

Việc chưa có kết quả phản hồi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia dẫn đến tình trạng cơ quan hải quan không tra cứu được thông tin Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm đã cập nhật thông tin mới khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan, gây khó khăn trong quá trình tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết thủ tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện TTHC theo Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì kết quả TTHC trả ra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia mới có căn cứ pháp lý để thực hiện thủ tục hải quan mà không phải là kết quả trả ra trên Hệ thống nào khác).

Do đó, đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu quy định rõ tại Điều này việc thay đổi thông tin trên Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm phải được cập nhật trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để đảm bảo cơ sở pháp lý cho cơ quan hải quan thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với quy định tại Nghị định số 85/2019/NĐ-CP nêu trên.

## **6. Về các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm tại khoản 5 Điều 16**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì một trong những hành vi bị nghiêm cấm là “*tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*”. Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung trường hợp “*Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*” và trường hợp “*Doanh nghiệp đã giải thể, phá sản*” vào các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm tại khoản 5 Điều 16 dự thảo Nghị định.

## **7. Về Điều 22. Sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu**

### **7.1. Về khoản 1 Điều 22**

(1) Về việc công bố thông tin trên Cổng Thông tin một cửa quốc gia hoặc Cơ sở dữ liệu thông tin về mỹ phẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP thì “*Cổng thông tin một cửa quốc gia là một hệ thống thông tin tích hợp để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục hành chính khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh*”. Theo



quy định này, Công Thông tin một cửa quốc gia là hệ thống phục vụ việc thực hiện thủ tục hải quan và các TTHC liên quan. Như vậy có thể hiểu Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm là kết quả của một TTHC và phải được công khai trên Công thông tin một cửa quốc gia để cơ quan hải quan đối chiếu, căn cứ thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu.

Do đó, cần làm rõ việc “*công bố thông tin*” về sản phẩm mỹ phẩm có phải là Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm không hay chỉ là các thông tin về mỹ phẩm do người khai tự cung cấp. Nếu không phải là Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm (là một kết quả của TTHC) thì đề nghị xem xét lại việc công bố này có phù hợp với chức năng, phạm vi của hệ thống một cửa quốc gia hay không.

Bên cạnh đó, qua rà soát dự thảo Nghị định, chưa thấy quy định cụ thể về “*Cơ sở dữ liệu thông tin về mỹ phẩm*” (cơ chế khai thác, sử dụng dữ liệu...).

Vì vậy, đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, rà soát và làm rõ căn cứ pháp lý, thông tin được công bố trên hai hệ thống quy định tại khoản này.

(2) Về việc phải có Phiếu kiểm nghiệm đáp ứng quy định tại Điều 13 khi thông quan sản phẩm mỹ phẩm quy định tại khoản 2 Điều 33:

- Đề nghị bỏ cụm từ “*Ưu tiên*” tại khoản 2 Điều 33 để đảm bảo các mặt hàng đều được kiểm tra sau công bố.

- Việc quy định Phiếu kiểm nghiệm phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 13 là chưa bảo đảm tính khả thi trong quá trình thực hiện. Phiếu kiểm nghiệm là chứng từ do cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc tổ chức kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn có thẩm quyền cấp, thuộc phạm vi quản lý và xác nhận của cơ quan chuyên ngành. Trong khi đó, cơ quan hải quan không có đủ cơ sở chuyên môn cũng như thẩm quyền để đánh giá, xác định tính chính xác, hợp lệ của các thông tin chuyên môn thể hiện trên Phiếu kiểm nghiệm, xác thực rõ ràng Phiếu kiểm nghiệm có được cấp bởi các cơ sở kiểm nghiệm đạt yêu cầu của pháp luật chuyên ngành về y tế.

Do vậy, đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, rà soát lại quy định này để bảo đảm phù hợp với chức năng, thẩm quyền của cơ quan hải quan và bảo đảm tính khả thi khi triển khai thực hiện. Theo đó, đề nghị quy định Phiếu kiểm nghiệm là một loại chứng từ trong hồ sơ của doanh nghiệp nộp cho cơ quan chuyên ngành để được xét cấp Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm. Cơ quan hải quan chỉ căn cứ Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm để thực hiện thủ tục hải quan như thực tế hiện nay.

## 7.2 Về khoản 3 Điều 22

Khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định quy định một số trường hợp không bắt buộc phải thực hiện công bố sản phẩm mỹ phẩm như: mỹ phẩm quá cảnh, chuyển khẩu, trung gian, tạm nhập tái xuất, gửi kho ngoại quan, sản phẩm bán tại cửa hàng miễn thuế. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định đã quy định các trường hợp này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.



Quy định này dẫn đến trùng lặp và chưa hợp lý. Trường hợp đã xác định các đối tượng này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định thì việc quy định nghĩa vụ (dù là miễn nghĩa vụ) sẽ không áp dụng được đối với đối tượng đó. Do vậy, đề nghị Bộ Y tế điều chỉnh các quy định nêu trên để tránh trùng lặp, bảo đảm tính nhất quán và logic của văn bản.

#### **8. Về Điều 26. Quy định về nhãn sản phẩm mỹ phẩm**

Tại điểm c khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định về Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng quy định: “*Quản lý sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu*”. Đề nghị ghi nhãn theo ASEAN nhưng đề nghị rõ các tiêu chí để cơ quan hải quan kiểm tra khi làm thủ tục hải quan.

Do đó, để thủ tục được quy định rõ ràng, minh bạch trong quá trình thực hiện, tránh phát sinh vướng mắc, đề nghị Bộ Y tế quy định về nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu khi làm thủ tục thông quan, để thống nhất với quy định tại các Điều tại dự thảo Nghị định và Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó có quy định về ghi nhãn hàng hóa.

#### **9. Về Điều 29. Thủ tục trực tuyến**

Hiện nay, việc thanh toán phí trên Cổng thông tin một cửa quốc gia mới dừng ở mức tiếp nhận chứng từ xác nhận thanh toán phí đính kèm hồ sơ và gửi lại cơ quan xử lý, chưa triển khai chức năng thanh toán phí trực tuyến.

Triển khai dự án “Mở rộng Cổng thông tin một cửa quốc gia và kết nối Cơ chế một cửa ASEAN (giai đoạn 3)”, Cục Hải quan (Bộ Tài chính) đã có công văn số 5539/CHQ-CNTT ngày 21/01/2026 để khảo sát tại các Bộ, ngành. Tuy nhiên, qua khảo sát tại Bộ Y tế và các phiếu khảo sát thu thập được chưa có nội dung, quy trình đề xuất liên quan đến việc thực hiện thanh toán phí trực tuyến trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Trong thời gian Cổng thông tin một cửa quốc gia xây dựng và hoàn thiện quy trình thực hiện thanh toán phí, đề nghị cho phép thực hiện thanh toán trực tuyến trên Hệ thống giải quyết TTHC của Bộ Y tế hoặc trên Cơ sở dữ liệu thông tin về mỹ phẩm đối với các sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu và sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước.

#### **10. Về Điều 30. Lưu trữ hồ sơ thực hiện trực tuyến**

Đối với quy định tại khoản 3 Điều 30, đề nghị Bộ Y tế bổ sung quy định khi có văn bản thu hồi tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm hoặc hủy bỏ thông tin sản phẩm mỹ phẩm đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phải cập nhật kịp thời trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để cơ quan hải quan tra cứu thông tin trong quá trình thông quan hàng hóa.

#### **11. Về Điều 33. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm mỹ phẩm**



Khoản 1 Điều 33 quy định: “ *Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm mỹ phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa.*”

Đề nghị Bộ Y tế:

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trong việc thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa để rà soát các nội dung tại Điều 33 cho phù hợp quy định tại pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa và Nghị định này.

- Đánh giá, sản phẩm mỹ phẩm thuộc đối tượng sản phẩm, hàng hóa phân loại theo mức độ rủi ro nào theo quy định tại pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa (thấp, trung bình, cao) để quy định rõ điều kiện sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu phải đáp ứng tại khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định, tránh các cách hiểu khác nhau.

## **12. Về Điều 34. Kinh phí lấy mẫu và kiểm nghiệm chất lượng mỹ phẩm**

### **12.1. Về khoản 1, khoản 4 Điều 34**

Đề nghị gộp khoản 1 và khoản 4 Điều 34 và sửa đổi câu chữ để đảm bảo rõ ràng như sau: “*Kinh phí lấy mẫu sản phẩm mỹ phẩm để kiểm tra chất lượng, kinh phí kiểm nghiệm mẫu sản phẩm mỹ phẩm do cơ quan quyết định lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu chi trả và được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của cơ quan kiểm tra chất lượng nhà nước về mỹ phẩm theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng kinh phí đối với hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.*”

### **12.2. Về khoản 5 Điều 34**

Đề nghị bỏ quy định khoản 5 Điều 34 dự thảo Nghị định. Lý do: Theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15, dịch vụ kiểm nghiệm mẫu mỹ phẩm không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Đối với các hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện do Nhà nước định giá, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có quyền tự định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh và thực hiện niêm yết giá, công khai giá theo quy định.

### **12.3. Về tên cơ quan nhà nước làm nhiệm vụ kiểm tra chất lượng mỹ phẩm**

Đề nghị Bộ Y tế tiếp tục rà soát, điều chỉnh thống nhất tên gọi của cơ quan nhà nước làm nhiệm vụ kiểm tra chất lượng mỹ phẩm quy định tại dự thảo Nghị định<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Tại khoản 3 Điều 33 dự thảo Nghị định nêu tên cơ quan là “*cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm mỹ phẩm*”; khoản 2 và khoản 3 Điều 34 nêu tên cơ quan là “*cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng*”; khoản 4 và khoản 5 Điều 34 lần lượt nêu tên cơ quan là “*cơ quan kiểm tra chất lượng nhà nước về mỹ phẩm*” và “*cơ quan kiểm nghiệm nhà nước về mỹ phẩm*”...



## **12. Về Điều 36. Thu hồi số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm**

Tại điểm a khoản 2 Điều 36 dự thảo Nghị định quy định khi cơ quan cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm ban hành văn bản thu hồi Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm thì văn bản thu hồi được gửi cho Bộ Tài chính (đối với sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu) và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử hoặc Cơ sở dữ liệu thông tin về mỹ phẩm. Để đảm bảo thông tin kịp thời phục vụ thông quan hàng hóa, đề nghị Bộ Y tế quy định về việc đồng bộ thông tin trên Cổng thông tin điện tử, Cơ sở dữ liệu thông tin về mỹ phẩm với Cổng thông tin một cửa quốc gia. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm đối với các trường hợp hàng hóa đã thông quan thì xử lý thế nào.

## **13. Về Điều 37. Ngừng tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm**

Đề nghị đơn vị soạn thảo quy định đăng tải danh sách các cơ sở công bố bị ngừng tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để đảm bảo tính minh bạch.

## **14. Về Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

### **14.1. Về khoản 1 Điều 42**

Hiện nay, trách nhiệm về việc thông quan hàng hóa của cơ quan hải quan được quy định rõ ràng tại Luật Hải quan và các văn bản quản lý lĩnh vực hải quan. Việc quy định trách nhiệm ở dự thảo Nghị định quy định quản lý mỹ phẩm là chưa phù hợp, gây tình trạng chồng chéo quy định. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét điều chỉnh lại nội dung này.

### **14.2. Về khoản 2 Điều 42**

Việc cung cấp thông tin cần có quy định cụ thể về tiêu chí, biểu mẫu, quy tắc, thời điểm, phương thức.... Đề nghị Bộ Y tế quy định các nội dung nêu trên tại dự thảo Nghị định để cơ quan hải quan có cơ sở đối chiếu quy định hiện hành đưa ra ý kiến đóng góp, đảm bảo thông tin được cung cấp đúng thẩm quyền, sử dụng đúng mục đích và được bảo mật theo quy định của pháp luật.

Để thuận lợi cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, chính xác và kịp thời và đảm bảo tính minh bạch đề nghị ban soạn thảo bổ sung mẫu thông tin, số liệu thống kê về số lượng, giá trị lô hàng sản phẩm mỹ phẩm xuất khẩu, nhập khẩu vào Phụ lục Nghị định và sửa lại khoản 2 Điều 42 dự thảo Nghị định như sau: "*Cung cấp cho Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các thông tin có liên quan về số lượng, giá trị lô hàng sản phẩm mỹ phẩm xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất (theo mẫu số ...quy định tại Phụ lục...Nghị định này).* Ngoài ra, khi xây dựng biểu mẫu đề nghị Bộ Y tế căn cứ các chỉ tiêu trên tờ khai hải quan xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC, Thông tư số 121/2025/TT-BTC) để xây dựng các thông tin cần cung cấp.



### **15. Về Điều 43. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Khoản 8 Điều 43 quy định Công thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận và chuyển thông tin hồ sơ đến hệ thống xử lý chuyên ngành của các Bộ, ngành có liên quan đến hồ sơ để xử lý TTHC phục vụ công tác quản lý của các Bộ, ngành. Đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, xem xét phương án Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đăng tải thông tin trên Công thông tin một cửa quốc gia đối với sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu thông qua hệ thống xử lý chuyên ngành của Bộ Y tế hoặc trực tiếp truy cập Công thông tin một cửa quốc gia.

### **16. Về các loại phí tại Điều 6 và Điều 24**

Đề nghị sửa cụm từ “*phí công bố sản phẩm mỹ phẩm*” tại khoản 1 Điều 6 thành “*phí thẩm định công bố sản phẩm mỹ phẩm*”; cụm từ “*phí cấp CFS*” tại khoản 5 Điều 24 thành “*phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do mỹ phẩm (CFS)*” để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về phí hiện hành do Luật Phí và lệ phí không có quy định về “*phí công bố sản phẩm mỹ phẩm*” và “*phí cấp CFS*” như nêu tại dự thảo Nghị định). Trường hợp 02 khoản thu nêu trên không phải các khoản phí nằm trong Danh mục phí và lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, đề nghị Bộ Y tế sửa tên các khoản thu đó (ví dụ: “*chi phí...*”) để tránh nhầm lẫn với tên các khoản phí thuộc ngân sách nhà nước.

### **17. Về việc nhập khẩu sản phẩm mỹ phẩm để nghiên cứu, triển lãm, tạm nhập tái xuất tại Điều 40**

Căn cứ Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, sản phẩm mỹ phẩm kinh doanh theo phương thức tạm nhập, tái xuất và các trường hợp tạm nhập, tái xuất khác không thuộc diện phải có giấy phép tạm nhập, tái xuất do Bộ Công Thương cấp. Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 40 Dự thảo Nghị định lại quy định trách nhiệm của Bộ Công Thương là: “*Chủ trì hướng dẫn, cấp giấy phép tạm nhập, tái xuất sản phẩm mỹ phẩm*”.

Quy định này chưa thống nhất với quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương, dẫn đến khả năng phát sinh cách hiểu và áp dụng khác nhau trong thực tiễn. Do vậy Bộ Y tế nghiên cứu, trao đổi và lấy ý kiến chính thức của Bộ Công Thương để làm rõ: Trường hợp nào mỹ phẩm tạm nhập, tái xuất phải cấp phép; Trường hợp nào không thuộc diện cấp phép để quy định cụ thể, thống nhất trong Dự thảo Nghị định, bảo đảm đồng bộ với pháp luật về quản lý ngoại thương.

### **18. Một số nội dung liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh**

#### **18.1. Về việc cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh tại Điều 15 và Điều 23**

Thể chế hóa Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển tư nhân, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân và Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 về quy



định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15, theo đó, đã giao Chính phủ hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện giảm ít nhất 30% thời gian xử lý TTHC, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo.

Căn cứ các quy định nêu trên, đề nghị Bộ Y tế rà soát các quy định hiện hành và xây dựng dự thảo Nghị định đảm bảo thực hiện các chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, TTHC, chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang công bố điều kiện kinh doanh, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng cho doanh nghiệp và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Cụ thể:

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu quy định: *“Thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được khai thác và sử dụng thay thế các giấy tờ sau: ... a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp)”*. Theo đó, đề nghị Bộ Y tế bỏ về việc yêu cầu thành phần giấy tờ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Hồ sơ nhập khẩu sản phẩm mỹ phẩm để nghiên cứu, kiểm nghiệm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 dự thảo Nghị định.

- Tại khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định quy định về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm còn chung chung, thiếu rõ ràng và khó xác định. Cụ thể xác định thế nào là “phù hợp”, “đáp ứng”, nếu không có tiêu chí/tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng sẽ dẫn đến tình trạng cảm tính và gây khó khăn cho doanh nghiệp. Do vậy, đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, rà soát lại các điều kiện kinh doanh nêu trên.

#### **18.2. Về việc thực hiện các thủ tục hành chính trên Cổng thông tin một cửa quốc gia tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 và Điều 48**

- Đối với quy định Điều 6 (Thủ tục công bố sản phẩm mỹ phẩm): Đối chiếu phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng được quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị định và dự thảo Bản đánh giá TTHC có sửa đổi, bổ sung về thủ tục công bố sản phẩm mỹ phẩm đang triển khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, Bộ Tài chính thấy có những điểm sau cần làm rõ:

+ Theo khoản 1 Điều 6, cơ sở công bố nộp 01 bộ hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm theo hình thức trực tuyến: Không quy định rõ nộp theo hình thức trực tuyến tại địa chỉ nào, hệ thống nào. Tại khoản 3 Điều 6 quy định trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ công bố của cơ sở, cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng tải số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm trên Cổng thông tin một cửa quốc gia đối với sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ quy định nộp hồ sơ tại khoản 1 Điều 6.



+ Đối với hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm: Dự thảo Nghị định bổ sung thành phần hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm (bổ sung tại điểm b, điểm đ khoản 1 Điều 5): (i) Tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm mỹ phẩm (áp dụng trong trường hợp là tiêu chuẩn cơ sở và chưa công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng); (ii) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận Thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm (CGMP) hoặc Giấy chứng nhận ISO 22716 của cơ sở sản xuất hoặc tương đương theo quyết định của Hội đồng mỹ phẩm ASEAN.

- Về biểu mẫu Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm tại dự thảo Nghị định: Phụ lục 02 có 2 biểu mẫu Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm được quy định áp dụng theo 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 đến ngày 01/01/2028 và giai đoạn 2 kể từ ngày 01/01/2028.

- Việc công bố sản phẩm mỹ phẩm có lộ trình thực hiện thủ tục công bố được quy định tại Điều 48 dự thảo Nghị định này, phân cấp thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết hồ sơ:

+ Trước ngày 01/01/2028, Bộ Y tế tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đối với sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở công bố đặt trụ sở chính tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đối với sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước;

+ Kể từ ngày 01/01/2028, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở công bố đặt trụ sở chính tiếp nhận và giải quyết hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm.

- Đối với quy định tại Khoản 4 Điều 8 (Hồ sơ, thủ tục đề nghị gia hạn hiệu lực số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm): Đối chiếu phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng được quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị định và dự thảo Bản đánh giá TTHC, dự thảo Nghị định quy định mới về thủ tục gia hạn hiệu lực công bố sản phẩm mỹ phẩm, đề nghị Bộ Y tế làm rõ:

+ Quy trình nghiệp vụ của thủ tục đề thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

+ Các biểu mẫu thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Từ những thay đổi về thành phần hồ sơ, phát sinh TTHC mới thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Hiện nay, Bộ Tài chính đang thực hiện các thủ tục cần thiết để trình Chính phủ Nghị định thay thế Nghị định số 85/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN. Theo dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 85/2019/NĐ-CP, việc khai, sửa đổi, bổ sung thông tin khai và nộp các chứng từ trong hồ sơ hành chính bằng cách tạo lập thông tin Bản khai chung theo chuẩn dữ liệu do đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia hướng dẫn với các chỉ tiêu thông tin theo Phụ lục 3 và phản hồi kết quả xử lý hồ sơ hành chính của cơ quan xử lý đến Cổng thông tin một cửa quốc gia dưới hình thức thông điệp



dữ liệu với các chỉ tiêu thông tin theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo. Vì vậy, đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, xem xét việc quy định các thủ tục sửa đổi, bổ sung các TTHC tại dự thảo Nghị định này phù hợp với định hướng vận hành mới của Cổng thông tin một cửa quốc gia.

**19. Về Chương VIII dự thảo Nghị định về việc thu hồi sản phẩm mỹ phẩm, thu hồi số tiếp nhận phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm và ngừng tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm**

Khoản 1 Điều 8 Bộ luật Hình sự quy định: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.*”.

Khoản 1 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “*Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.*”.

Theo đó, nếu hành vi vi phạm là tội phạm hoặc vi phạm hành chính về quản lý mỹ phẩm sẽ bị xử lý theo hệ thống pháp luật tương ứng có liên quan. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các biện pháp quy định tại Chương VIII dự thảo Nghị định về việc thu hồi sản phẩm mỹ phẩm, thu hồi số tiếp nhận phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm và ngừng tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm bảo đảm thống nhất với các quy định về xử lý hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính về quản lý mỹ phẩm có áp dụng các biện pháp này là hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả và xác định rõ các biện pháp quản lý hành chính đối với mỹ phẩm tại dự thảo Nghị định.

**20. Ý kiến khác**

Đề nghị Bộ Y tế rà soát, chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật, các nội dung dẫn chiếu chưa chính xác tại dự thảo Nghị định để đảm bảo cách hiểu thống nhất, tránh vướng mắc khi thực hiện. Cụ thể:

- Khoản 1 Điều 6 quy định “*Cơ sở công bố nộp 01 bộ hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm... tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi tắt là cơ quan tiếp nhận) quy định tại khoản 2 Điều 49...*”. Tuy nhiên, Điều 49 là Điều khoản chuyển tiếp, không phù hợp với nội dung dẫn chiếu về cơ quan thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ công bố mỹ phẩm.

- Khoản 5 Điều 8 quy định “*Không gia hạn đối với sản phẩm mỹ phẩm... đã bị thu hồi số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 35...*”. Tuy nhiên, việc thu hồi số tiếp nhận Phiếu công bố được quy định tại Điều 36 (Điều 35 quy định về việc thu hồi sản phẩm mỹ phẩm).



- Khoản 4 Điều 22 quy định “*Tổ chức, cá nhân nhập khẩu mỹ phẩm quy định tại khoản 2 Điều này, phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm mỹ phẩm, sử dụng mỹ phẩm đúng đối tượng, bảo đảm an toàn và không được phép đưa ra lưu thông trên thị trường*”. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 22 quy định về thủ tục hải quan nói chung đối với tất cả các trường hợp nhập mỹ phẩm; việc cấm lưu thông ra thị trường phù hợp với các trường hợp đặc thù nêu tại khoản 3.

- Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định theo hướng “*CFS phải có thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 69/2018/NĐ-CP) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)*” do hiện nay Bộ Công Thương đang dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.



Số: 1274 /BVHTTDL-VHCSGĐTV

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

V/v góp ý đối với Hồ sơ dự thảo

Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm

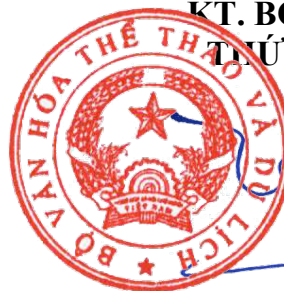
Kính gửi: Bộ Y tế

Phúc đáp Công văn số 1565/BYT-QLD ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Bộ Y tế về việc xin ý kiến góp ý đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm, sau khi nghiên cứu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất với nội dung tại Điều 27 quy định về quảng cáo sản phẩm mỹ phẩm của dự thảo Nghị định nêu trên.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng gửi Bộ Y tế tổng hợp.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, VHCSGĐTV, ND.08.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Trịnh Thị Thủy**

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG  
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM  
**BAN THƯỜNG TRỰC**

Số: **2153**/MTTW-BTT  
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định  
về quản lý mỹ phẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **31** tháng 3 năm 2026

<b>BỘ Y TẾ</b>	
<b>Đ</b>	Số: <b>6651</b>
<b>Ề</b>	Ngày: <b>31/3/26</b>
<b>N</b>	
Chuyển: <b>Phúc</b>	

Kính gửi: **Bộ Y tế**

Phúc đáp Công văn số 1565/BYT-QLD ngày 11/03/2026 của Bộ Y tế về việc xin ý kiến Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cơ bản nhất trí nội dung dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, đề nghị Bộ Y tế tiếp tục rà soát, đối chiếu với các quy định pháp luật có liên quan như: Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng... để điều chỉnh, bổ sung, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng mỹ phẩm được quy định đầy đủ, thống nhất trong hệ thống pháp luật. Trong đó, cần đặc biệt quan tâm đến quyền của người tiêu dùng và trách nhiệm của cơ sở công bố, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm khi xảy ra sự cố liên quan đến chất lượng, an toàn sản phẩm, cụ thể:

1. Quy định rõ cơ chế bồi thường thiệt hại đối với người tiêu dùng; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường; trách nhiệm chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh và các thiệt hại liên quan (nếu có).

2. Quy định việc công khai, minh bạch thông tin đối với các sản phẩm mỹ phẩm vi phạm, bị thu hồi hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng, bảo đảm thông tin được cập nhật kịp thời, đầy đủ, dễ tiếp cận để người dân tra cứu. Đồng thời, trong quá trình thu hồi sản phẩm, cơ sở công bố sản phẩm mỹ phẩm phải thông báo rõ ràng đến người tiêu dùng về nguy cơ, hướng dẫn xử lý, quyền được hoàn trả, đổi sản phẩm, bảo đảm người tiêu dùng không phải chịu chi phí phát sinh.

Trên đây là ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam góp ý Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm. Đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Chính phủ theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBTW MTTQ Việt Nam (để b/c);
- Ban Thường trực UBTW MTTQ Việt Nam;
- Thư ký đ/c Chủ tịch;
- Lưu: VT, Ban CTXH.

TL. BAN THƯỜNG TRỰC  
TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC XÃ HỘI



**Cao Xuân Thọ**